HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2026/NQ-HĐND	*Gia Lai, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH13, Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 184/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự;

Căn cứ Nghị định số 159/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Xét Tờ trình số 471/TTr-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 115/BC-BPC ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và

một số chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tại thôn, làng, bôn, buôn, plơi, plei *(sau đây gọi là thôn)*; tổ dân phố, khu phố, khối phố, khu vực *(sau đây gọi là tổ dân phố)*.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Mỗi thôn, tổ dân phố được thành lập một *(01)* Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

a) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn có từ 350 hộ gia đình trở xuống *(đối với thôn ở xã biên giới, xã đảo có từ 200 hộ gia đình trở xuống)*, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở xuống, bố trí mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự 03 thành viên.

b) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn có trên 350 hộ gia đình đến 500 hộ gia đình *(đối với thôn ở xã biên giới, xã đảo có trên 200 hộ gia đình đến 350 hộ gia đình)*, tổ dân phố có trên 500 hộ gia đình đến 700 hộ gia đình, bố trí mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự 04 thành viên.

c) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn có trên 500 hộ gia đình đến 750 hộ gia đình *(đối với thôn ở xã biên giới, xã đảo có trên 350 hộ gia đình đến 525 hộ gia đình)*, tổ dân phố có trên 700 hộ gia đình đến 1.050 hộ gia đình, bố trí mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự 05 thành viên.

d) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn có trên 750 hộ gia đình đến 1.000 hộ gia đình *(đối với thôn ở xã biên giới, xã đảo có trên 525 hộ gia đình đến 700 hộ gia đình)*, tổ dân phố có trên 1.050 hộ gia đình đến 1.400 hộ gia đình, bố trí mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự 06 thành viên.

đ) Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn có trên 1.000 hộ gia đình *(đối với thôn ở xã biên giới, xã đảo có trên 700 hộ gia đình)*, tổ dân phố có trên 1.400 hộ gia đình, bố trí mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự 07 thành viên.

Điều 4. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

1. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, cụ thể:

a) Tổ trưởng: 2.070.000 đồng.

b) Tổ phó: 1.350.000 đồng.

c) Tổ viên: 1.080.000 đồng.

2. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế, cụ thể:

a) Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 165.000 đồng/người/tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15.

b) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế: 50% mức đóng bảo hiểm y tế.

3. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 23 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2024/QH15 hưởng mức tiền bồi dưỡng, cụ thể:

a) Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau được hưởng mức tiền bồi dưỡng 130.000 đồng/người/ngày; làm nhiệm vụ vào ngày nghỉ, ngày lễ được hưởng mức tiền bồi dưỡng 300.000 đồng/người/ngày.

b) Khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng mức tiền bồi dưỡng 50.000 đồng/người/ngày nếu làm việc dưới 04 giờ/ngày; 100.000 đồng/người/ngày nếu làm việc từ 04 giờ/ngày trở lên.

c) Khi làm nhiệm vụ cụ thể theo quyết định của cấp có thẩm quyền tại những nơi thuộc khu vực biên giới, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm bằng 70% so với mức hỗ trợ hiện hưởng.

Điều 5. Chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thôi việc, bị ốm đau, bị tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ

1. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ thì được hỗ trợ 50% chi phí khám bệnh, chữa bệnh và tiền ăn hằng ngày như mức hưởng của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện.

2. Người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc đã tham gia bảo hiểm xã hội nhưng chưa đủ 02 năm

mà bị tai nạn làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa, chết khi thực hiện nhiệm vụ thì được hưởng mức trợ cấp như sau:

a) Được hỗ trợ 50% chi phí khám bệnh, chữa bệnh và tiền ăn hằng ngày như mức hưởng của đối tượng tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn trong thời gian điều trị tai nạn, kể cả trường hợp vết thương tái phát cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện.

b) Trường hợp tai nạn dẫn đến chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp tiền mai táng bằng số tiền 14.400.000 đồng và tiền tuất một lần bằng số tiền 9.000.000 đồng.

3. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở không còn tham gia do sắp xếp hoặc thôi việc với lý do chính đáng nhưng chưa đủ thời gian để hưởng chế độ hưu trí thì được hỗ trợ một lần như sau: Cứ mỗi năm công tác *(bao gồm thời gian chuyển tiếp từ Công an xã bán chuyên trách, Bảo vệ dân phố, Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng sang lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở)* được tính bằng 1,5 tháng mức hỗ trợ hiện hưởng. Nếu thời gian công tác có số tháng lẻ thì số tháng lẻ được tính theo nguyên tắc từ đủ 03 tháng đến bằng 06 tháng thì tính ½ năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng được tính 01 năm.

Điều 6. Mức chi hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương tổ chức

1. Mức chi hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở:

a) Mức chi hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị: Thực hiện trên cơ sở hoá đơn, chứng từ thực tế.

b) Mức chi công tác bồi dưỡng, tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Mức chi bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Tối đa không quá 2.000.000 đồng/Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở/năm.

2. Mức chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo định mức do Chính phủ, Bộ Công an quy định: Thực hiện trên cơ sở hoá đơn, chứng từ thực tế.

3. Mức chi hoạt động sơ kết, tổng kết: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND.

4. Mức chi tổ chức các phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở do địa phương tổ chức: Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí đảm bảo thực hiện Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, cụ thể:

1. Các nhiệm vụ chi tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này do ngân sách cấp tỉnh bảo đảm.

2. Các nhiệm vụ chi tại khoản 1, 2 Điều 4, Điều 5 và điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này do ngân sách cấp xã bảo đảm.

3. Các nhiệm vụ chi tại khoản 3 Điều 4; điểm b khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 6 Nghị quyết này cấp nào điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ hoặc trực tiếp tổ chức thực hiện thì cấp đó bảo đảm ngân sách.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.

4. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định *(trước sắp xếp)* quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và một số chế độ, chính sách đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai *(trước sắp xếp)* quy định Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và Tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

c) Nghị quyết số 87/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai *(trước sắp xếp)* quy định chi tiết một số nội dung về chế độ, mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở để áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Nghị quyết số 12/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định *(trước sắp xếp)* quy định về tiêu chuẩn và định mức trang bị phương tiện làm việc cho Công an xã trên địa bàn tỉnh.

5. Khi các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:
- Như Điều 8;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Công an, Nội vụ;
- Cục Pháp chế và CCHC, TP - Bộ Công an;
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Rah Lan Chung